

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc quản lý sử dụng trang thiết bị y tế được đầu tư
từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh
tại Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh

Thực hiện Quyết định số 43/QĐ-TTra ngày 31/5/2024 của Chánh Thanh tra Sở Y tế về việc thanh tra việc quản lý sử dụng thiết bị y tế được đầu tư từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh, quản lý sử dụng thuốc; từ ngày 05/6/2024 đến ngày 30/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh.

Xét báo cáo kết quả thanh tra việc quản lý sử dụng thiết bị y tế được đầu tư từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh ngày 30/8/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Y tế kết luận như sau:

I. Khái quát chung:

Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh (sau đây viết tắt là bệnh viện) địa chỉ số 917, đường Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bệnh viện là đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra của Sở Y tế về việc thực hiện các quy định chuyên môn kỹ thuật, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; dược; thiết bị y tế.

Bệnh viện đạt chuẩn hạng II theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 00616/SYT-GPHĐ ngày 05/4/2023 do Sở Y tế tỉnh An Giang cấp; Hình thức tổ chức: Bệnh viện đa khoa. Bệnh viện phân loại là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2), mức tự bảo đảm chi thường xuyên là 148 % theo Quyết định số 3386/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025.

Cơ cấu tổ chức của đơn vị:

- Lãnh đạo đơn vị gồm Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.
- Phòng chức năng gồm 08 phòng: Tổ chức cán bộ; Tài chính-Kế toán; Hành chính quản trị; Kế hoạch tổng hợp; Vật tư trang thiết bị y tế; Điều dưỡng; Quản lý

chất lượng-Chỉ đạo tuyên; Công tác xã hội.

- Khoa chuyên môn gồm 27 khoa: Khoa Khám bệnh; Cấp cứu; Hồi sức tích cực và Chống độc; Nội Tim mạch-Lão học; Tim mạch can thiệp-Đột quy; Nội soi; Phẫu thuật-Gây mê hồi sức; Xét nghiệm; Chẩn đoán hình ảnh; Dược; Dinh dưỡng; Thận nhân tạo; Nội tổng hợp; Ngoại Chấn thương chỉnh hình-Bỏng; Ngoại Tiết niệu- Nhi; Ngoại tổng hợp; Ngoại Thần kinh-Lồng ngực; Phụ sản; Mắt; Tai Mũi họng; Răng hàm mặt; Y học cổ truyền; Nhi; Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng; Truyền nhiễm; Kiểm soát nhiễm khuẩn; Lao.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh:

1. Nội dung về quản lý, sử dụng thiết bị y tế:

1.1. Văn bản do bệnh viện ban hành về quản lý, sử dụng thiết bị y tế:

Quy chế quản lý sử dụng tài sản công;

Quy trình thanh lý tài sản cố định;

Quy trình mua sắm thiết bị y tế;

Quy trình quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị y tế;

Quyết định phân công viên chức phụ trách trực tiếp quản lý, sử dụng thiết bị y tế tại 27 khoa.

Nhận xét:

Bệnh viện có ban hành văn bản về quản lý, sử dụng thiết bị y tế và triển khai thực hiện tại đơn vị.

1.2. Việc phân công nhân sự quản lý thiết bị y tế:

Các Trưởng phòng Vật tư trang thiết bị y tế (trong thời kỳ thanh tra) có trình độ chuyên môn là Bác sĩ chuyên khoa I, Dược sĩ chuyên khoa I, Thạc sĩ Y tế công cộng.

Trưởng Phòng Vật tư trang thiết bị y tế có phân công công việc nhân viên quản lý thiết bị y tế.

Nhận xét: Bệnh viện có thành lập Phòng Vật tư trang thiết bị y tế, phân công nhiệm vụ các nhân viên quản lý thiết bị y tế theo quy định.

1.3. Hồ sơ quản lý thiết bị y tế:

a) Hồ sơ về thiết bị y tế:

Bệnh viện tổ chức mua sắm 6 thiết bị, tổng giá trị: 348.260.000 đồng.

Bệnh viện tiếp nhận từ Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh thuộc Dự án Khu hồi sức cấp cứu điều trị bệnh Covid-19 của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang và Bệnh viện Đa khoa Khu vực tỉnh, gồm 13 gói thầu, tổng số 374 thiết bị, tổng giá trị: 24.533.170.000 đồng.

(chi tiết tại phụ lục số I)

- Hồ sơ các gói thầu do bệnh viện tổ chức mua sắm: Có văn bản dự trù các khoa, có Kế hoạch mua sắm (kế hoạch năm); sau khi có kết quả trúng thầu bệnh viện thực hiện mua sắm thiết bị, có hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn.

- Đối với thiết bị tiếp nhận từ Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh: có hợp đồng, biên bản bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thiết bị y tế, Biên bản nghiệm thu, hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành, hóa đơn, biên bản bàn giao tài sản.

b) Nguồn gốc thiết bị y tế: có giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (C/O), giấy phép nhập khẩu, tờ khai hải quan, giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (C/Q), đúng nội dung nhãn thiết bị.

c) Phân bổ thiết bị y tế:

Bệnh viện phân bổ các thiết bị được mua, nhận cho các khoa đã dự trù, phát huy hiệu quả sử dụng, cụ thể: Khoa Hồi sức tích cực và Chống độc, Cấp cứu, Nhi, Chẩn đoán hình ảnh, Gây mê hồi sức, Can thiệp tim mạch, Thận nhân tạo, Ngoại Tiết niệu – Nhi, Thần kinh – Lồng ngực, Nội tổng hợp, Tim mạch – Lão học, Nhiễm, Tai Mũi Họng.

Nhận xét: Bệnh viện có lưu trữ hồ sơ của các thiết bị y tế được mua sắm trong thời kỳ thanh tra; thực hiện phân bổ thiết bị y tế được mua, nhận cho các khoa đã dự trù, phát huy hiệu quả sử dụng.

1.4. Công tác kiểm kê tài sản:

Năm 2022 và 2023, bệnh viện có thành lập Ban kiểm kê tài sản, Kế hoạch kiểm kê tài sản; thực hiện kiểm kê tài sản và lập biên bản kiểm kê tài sản theo quy định, biên bản kiểm kê thể hiện đầy đủ số lượng, giá trị các tài sản, số liệu theo sổ sách kế toán và số liệu theo kiểm kê thực tế.

Số liệu theo kết quả kiểm kê tài sản là thiết bị y tế cuối năm 2022, 2023

(Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)

Năm	Số liệu đầu năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Kiểm kê cuối năm	
	Số lượng	Giá trị (Nguyên giá)	Số lượng	Giá trị (Nguyên giá)	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị còn lại
2022	389	206.153.248	244	170.102.168	0	0	633	284.896.880
2023	633	376.255.416	103	12.060.950	0	0	736	225.221.887

Nhận xét: Bệnh viện có thực hiện kiểm kê tài sản vào cuối kỳ kế toán năm theo quy định tại Điều 59 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và có lập Biên bản

kiểm kê tài sản theo hướng dẫn tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

1.5. Thanh lý tài sản công:

Bệnh viện còn tồn 145 thiết bị y tế hư, hỏng chưa hoàn thành thủ tục thanh lý, tổng giá trị theo nguyên giá là **16.980.843.000** đồng.

(chi tiết tại phụ lục II)

Đơn vị đang tiến hành thủ tục thanh lý tài sản:

+ 02 thiết bị với tổng nguyên giá là 1.532.000.000 đồng, đang thực hiện thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thanh lý tài sản cố định.

+ 17 thiết bị với tổng nguyên giá là 3.588.378.000 đồng, Sở Y tế ban hành Quyết định 501/QĐ-SYT ngày 13/06/2024 về việc thanh lý tài sản cố định của Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh.

+ Bệnh viện ban hành Quyết định 1968/QĐ-BV ngày 03/7/2024 về thanh lý tài sản cố định gồm 105 danh mục có nguyên giá dưới 100 triệu/01 thiết bị (trong đó có 47 danh mục không có đơn giá) tổng giá trị 1.485.056.000 đồng, đang tiến hành thẩm định giá.

Bệnh viện còn tồn 21 thiết bị chưa tiến hành thanh lý với tổng giá trị theo nguyên giá 10.246.539.000 đồng.

Nhận xét: Bệnh viện đang thực hiện trình tự thủ tục thanh lý tài sản công theo quy định. Tuy nhiên, việc thực hiện thanh lý tài sản công không kịp thời theo quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

1.6. Kiểm định, hiệu chuẩn:

Bệnh viện có ban hành Kế hoạch bảo trì, sửa chữa thiết bị y tế; Kế hoạch kiểm định hiệu chuẩn thiết bị y tế hàng năm.

Bệnh viện có thực hiện kiểm định các thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, Thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 liên tịch Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế và Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2022/TT-BYT).

Tuy nhiên, năm 2023 đơn vị có các thiết bị kiểm định không đạt, không kiểm định cụ thể như sau:

- Năm 2023, bệnh viện có 04 máy gây mê kiểm định không đạt tại Khoa

Phẫu thuật - Gây mê hồi sức. Theo giải trình của bệnh viện, các máy kiểm định không đạt do các lỗi: pin dự phòng khi cúp điện (chỉ sử dụng khi mất điện đột xuất), lỗi của các van cơ bị hở, van điều chỉnh hở, ... sau đó đơn vị có tiến hành sửa chữa và đã hoàn tất việc sửa chữa vào ngày 26/01/2024 không đưa vào sử dụng cho bệnh nhân và chờ kiểm định lại cùng lúc với các thiết bị khác; đến ngày 27/8/2024 đã tiến hành kiểm định lại, đạt.

- Chưa thực hiện kiểm định đối với thiết bị phương tiện đo nhóm 2 tại Khoa Mắt. Theo giải trình của bệnh viện, trước đây bệnh viện không tìm được công ty kiểm định, đến nay bệnh viện đã được Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ báo giá và đang tiến hành kiểm định.

(chi tiết tại phụ lục III)

Nhận xét: Bệnh viện có thực hiện kiểm định các thiết bị y tế theo quy định. Tuy nhiên, bệnh viện chưa kiểm định thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 và kiểm định chưa kịp thời đối với thiết bị y tế kiểm định không đạt sau khi được sửa chữa theo quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BYT.

1.7. Quản lý, sử dụng thiết bị y tế tại khoa, phòng:

Tổng số thiết bị y tế được kiểm tra là 58 thiết bị tại Khoa Phẫu thuật – Gây mê hồi sức, Khoa Chẩn đoán hình ảnh và Khoa Thận nhân tạo. Trong đó:

- Thiết bị y tế đang hoạt động: 56 thiết bị.
- Thiết bị y tế hư hỏng chờ sửa chữa: 02 thiết bị.

Sửa chữa thiết bị hỏng: (01) Máy chạy thận nhân tạo, bệnh viện đã hoàn thành sửa chữa vào ngày 02/08/2024; (02) Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 64 lát cắt chưa được sửa chữa.

Theo giải trình của bệnh viện, Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 64 lát cắt được xác định các bộ phận hư hỏng vào ngày 25/5/2023, bệnh viện có thực hiện trình tự thủ tục sửa chữa, nhận được Công văn số 2571/SYT-KHTC ngày 11/10/2023 của Sở Y tế về ý kiến thực hiện bảo trì thiết bị cho Khoa Chẩn đoán hình ảnh và bảo trì sửa chữa thay thế phụ kiện Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 64 lát cắt; đến ngày 05/06/2024 Hội đồng thường trực Khoa học và Công nghệ của bệnh viện họp phê duyệt dự toán sửa chữa, hiện nay đang tìm công ty thẩm định giá.

- Lý lịch thiết bị y tế: có lưu giữ đủ lý lịch máy.

Nhận xét: Thiết bị y tế được kiểm tra tại các Khoa có lý lịch máy; 01 thiết bị hư hỏng đã được thực hiện sửa chữa. Tuy nhiên, còn 01 thiết bị hư hỏng đã có kế hoạch sửa chữa, nhưng chưa được sửa chữa.

(chi tiết tại phụ lục số IV)

1.8. Bệnh viện có các thiết bị không sử dụng, ngưng sử dụng:

- 01 máy chiết tách tiểu cầu tự động Trima Accel (Hệ thống NAT) không triển khai sử dụng từ khi được nhận vào năm 2019 đến nay, do không phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của bệnh viện.

Theo giải trình của bệnh viện, đầu năm 2013 bệnh viện dự trù mua sắm từ nguồn vốn ODA, đến năm 2019 mới nhận được thiết bị này. Trong thời gian đó, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 26/2013/TT-BYT ngày 16/9/2013 hướng dẫn hoạt động truyền máu, có hiệu lực từ ngày 15/11/2013; hiện nay, bệnh viện đầu tư sẽ không phù hợp với mô hình bệnh tật tại địa phương, không hiệu quả về kinh tế.

- 02 máy khí máu được Sở Y tế phân bổ năm 2015, chưa triển khai sử dụng do không có hoá chất. Theo giải trình của bệnh viện, đã đấu thầu nhiều lần không có công ty trúng thầu.

- 08 thiết bị không sử dụng, ngưng sử dụng do không có hoá chất. Theo giải trình của bệnh viện, đang tổ chức lựa chọn nhà thầu.

- 01 máy xét nghiệm miễn dịch tự động hư hỏng. Theo giải trình của bệnh viện, máy xét nghiệm miễn dịch tự động báo lỗi không hoạt động ngày 13/9/2023, bệnh viện có kế hoạch sửa chữa, nhận được báo giá của Công ty cổ phần thiết bị y tế Nam Trung ngày 24/11/2023, nhưng giá quá cao, bệnh viện đang chờ công ty hỗ trợ giá, chưa sửa chữa được.

(chi tiết tại phụ lục số IV)

Nhận xét: Bệnh viện có tham gia đấu thầu hoá chất xét nghiệm.

Tồn tại:

- Bệnh viện chưa thực hiện mua sắm hoá chất cho 02 máy khí máu được Sở Y tế phân bổ năm 2015, chưa triển khai sử dụng nhiều năm qua.

- Bệnh viện chưa đảm bảo đủ hoá chất sử dụng cho 08 thiết bị hoạt động.

- Bệnh viện chưa có kế hoạch khả thi triển khai sử dụng 01 thiết bị (hệ thống NAT) nhận từ năm 2019 đến nay, do không phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của bệnh viện.

- Bệnh viện thực hiện sửa chữa 01 thiết bị y tế hư hỏng chưa kịp thời.

2. Nội dung về quy trình khám chữa bệnh:

2.1. Tổ chức khám bệnh ngoại trú:

Bệnh viện có ban hành các văn bản:

- Quy trình Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh tại bệnh viện;
- Quy trình khám bệnh cho đối tượng BHYT và không có BHYT;
- Quy trình tiếp đón người bệnh có trật tự của Khoa Khám bệnh;

- Quy trình tiếp nhận bệnh nhân MERS CoV của Khoa Khám bệnh;
- Quy trình sàng lọc và cách ly người bệnh truyền nhiễm;
- Quy trình tiếp nhận người bệnh đến khám khi người bệnh trình Căn cước công dân gắn chíp, hoặc VSSID, VNEID;
- Quy trình tiếp nhận và xử trí người bệnh đến khám tại Khoa Khám bệnh;
- Quy trình khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm;
- Quy trình khám và sàng lọc Lao cho bệnh nhân tiểu đường;
- Quy trình khám sức khỏe cho người lái xe;
- Quy trình tiếp nhận khám và điều trị bệnh nhân viêm phổi cấp do chủng virus corona (nCov);
- Quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh.

Đơn vị tổ chức khám bệnh ngoại trú gồm 29 bàn khám.

(cụ thể tại phụ lục số V)

Nhận xét: Bệnh viện ban hành quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh theo quy định tại Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh của bệnh viện (sau đây viết tắt là Quyết định 1313/QĐ-BYT).

2.2. Thời gian khám bệnh:

Bệnh viện có xây dựng chỉ tiêu phấn đấu về thời gian khám bệnh ngoại trú theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT.

Tổng số lượt khám ngoại trú trong 04 tháng đầu năm 2024 theo dữ liệu khám chữa bệnh tại đơn vị là 47.592 lượt khám. Trong đó, nhiều trường hợp thời gian khám kéo dài, cụ thể như sau:

- Khám lâm sàng đơn thuần: 6.673 lượt khám trên 120 phút;
- Khám lâm sàng có làm thêm 01 kỹ thuật xét nghiệm/chẩn đoán hình ảnh: 338 lượt khám trên 180 phút;
- Khám lâm sàng có làm thêm 01 kỹ thuật thăm dò chức năng: 04 lượt khám trên 180 phút;
- Khám lâm sàng có làm thêm 02 kỹ thuật phối hợp cả xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh: 210 lượt khám trên 210 phút;
- Khám lâm sàng có làm thêm 02 kỹ thuật phối hợp xét nghiệm và thăm dò chức năng: 21 lượt khám trên 210 phút;
- Khám lâm sàng có làm thêm 03 kỹ thuật phối hợp cả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng: 97 lượt khám trên 240 phút.

Nhận xét: Bệnh viện có tổ chức khám lâm sàng đơn thuần và khám lâm sàng có làm thêm các kỹ thuật cận lâm sàng theo quy định. Tuy nhiên, tồn tại 7.343 lượt có thời gian khám kéo dài hơn so với chỉ tiêu phần đầu quy định tại Quyết định số 1313/QĐ-BYT.

2.3. Lưu lượng khám:

STT	Thời gian Khảo sát	Tổng số lượt khám trong tháng	Số lượt khám trung bình/01 ngày	Số bàn khám	Số lượt khám trung bình/01 ngày/01 bàn
1	Tháng 01/2024	12.612	573	29	19
2	Tháng 02/2024	8765	398		14
3	Tháng 3/2024	11.710	532		29
4	Tháng 4/2024	14.505	659		22

Nhận xét: Lưu lượng khám trung bình mỗi bàn khám thực hiện khám bệnh nhiều nhất 29 lượt khám trong 01 ngày phù hợp chỉ tiêu phần đầu theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT và Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

2.4. Về thực hiện quy trình khám bệnh:

Bệnh viện công khai Quy trình khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú cho đối tượng có BHYT và không có BHYT, có sơ đồ hướng dẫn quy trình khám. Quy trình thực hiện 04 bước: (01) tiếp đón người bệnh, (02) khám lâm sàng và chẩn đoán, (03) thanh toán viện phí, (04) phát và lĩnh thuốc.

Thực tế về thời gian khám như sau:

a) Khám lâm sàng, chẩn đoán và chỉ định điều trị, thời gian khám của 09 trường hợp cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám bệnh	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
1	478888	07 giờ 15 phút	07 giờ 53 phút	38	120
2	55175	13 giờ 34 phút	14 giờ 20 phút	46	120
3	203006	13 giờ 20 phút	14 giờ 25 phút	65	120
4	556896	07 giờ 16 phút	07 giờ 44 phút	28	120

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám bệnh	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ1313 (phút)
5	557717	07 giờ 42 phút	08 giờ 20 phút	38	120
6	556980	07 giờ 15 phút	07 giờ 44 phút	29	120
7	559623	08 giờ 18 phút	08 giờ 49 phút	31	120
8	557888	08 giờ 47 phút	09 giờ 05 phút	18	120
9	554922	14 giờ 05 phút	14 giờ 30 phút	25	120

Nhận xét: Bệnh viện tổ chức thực hiện quy trình khám lâm sàng, chẩn đoán và chỉ định điều trị theo quy định. 09 trường hợp có thời gian khám đúng theo quy định.

b) Khám lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán và chỉ định điều trị của 01 trường hợp cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám bệnh	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
1	505400	07 giờ 23 phút	08 giờ 57 phút	94	180

Nhận xét: Bệnh viện có tổ chức quy trình khám lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán và chỉ định điều trị theo quy định. 01 trường hợp có thời gian khám đúng theo quy định.

c) Khám lâm sàng, thực hiện kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán bệnh và chỉ định điều trị, thời gian khám của 04 trường hợp, cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám bệnh	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
1	520946	08 giờ 35 phút	10 giờ 27 phút	115	180
2	430852	05 giờ 51 phút	08 giờ 40 phút	169	180
3	431001	09 giờ 07 phút	10 giờ 12 phút	65	180
4	521225	07 giờ 29 phút	08 giờ 36 phút	67	180

Nhận xét: Bệnh viện có tổ chức quy trình khám lâm sàng, thực hiện kỹ thuật

chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán bệnh và chỉ định điều trị theo quy định. 04 trường hợp có thời gian khám đúng theo quy định.

d) Khám lâm sàng, thực hiện kỹ thuật thăm dò chức năng, chẩn đoán bệnh và chỉ định điều trị, thời gian khám của 04 trường hợp, cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám bệnh	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ1313 (phút)
1	460674	06 giờ 59 phút	08 giờ 48 phút	109	180
2	49048	06 giờ 07 phút	08 giờ 47 phút	160	180
3	382849	07 giờ 21 phút	08 giờ 09 phút	48	180
4	204941	05 giờ 31 phút	08 giờ 27 phút	176	180

Nhận xét: Bệnh viện có tổ chức quy trình Khám lâm sàng, thực hiện kỹ thuật thăm dò chức năng, chẩn đoán bệnh và chỉ định điều trị theo quy định. 04 trường hợp có thời gian khám đúng theo quy định.

e) Các trường hợp thực hiện khám lâm sàng và có chỉ định 3 kỹ thuật cận lâm sàng phối hợp (xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng), thực hiện kỹ thuật hoặc chuyển khám chuyên khoa, thời gian khám thực tế 05 trường hợp, cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám bệnh	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ1313 (phút)
1	24105448	09 giờ 12 phút	10 giờ 27 phút	75	240
2	24106531	13 giờ 12 phút	14 giờ 54 phút	104	240
3	24107205	08 giờ 35 phút	09 giờ 29 phút	54	240
4	24107972	08 giờ 07 phút	09 giờ 18 phút	71	240
5	24106031	07 giờ 13 phút	08 giờ 24 phút	74	240

Nhận xét: Bệnh viện có tổ chức quy trình khám lâm sàng và có chỉ định làm 01, 02 hoặc 03 kỹ thuật cận lâm sàng phối hợp (xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng), thực hiện kỹ thuật hoặc chuyển khám chuyên khoa theo quy định. 05 trường hợp có thời gian khám đúng theo quy định.

2.2.5. Các giải pháp cải tiến quy trình khám bệnh tại bệnh viện: công khai giờ khám bệnh, quy trình khám bệnh, bảng giá viện phí, đối tượng ưu tiên; bố trí nhiều điểm thu viện phí; ứng dụng phần mềm thanh toán viện phí; kết nối mạng giữa các khoa lâm sàng, cận lâm sàng, khoa dược; ...

Nhận xét: Bệnh viện có xây dựng, tổ chức thực hiện các giải pháp cải tiến quy trình khám bệnh tại bệnh viện.

III. Kết luận

1. Những mặt làm được:

1.1. Bệnh viện có ban hành văn bản về quản lý, sử dụng thiết bị y tế và có triển khai thực hiện tại đơn vị.

1.2. Bệnh viện có lưu trữ đủ hồ sơ mua sắm của 06 thiết bị y tế, hồ sơ nguồn gốc xuất xứ các thiết bị y tế được mua, nhận trong thời kỳ thanh tra; thực hiện phân bổ thiết bị y tế đúng các khoa đã dự trù, phát huy hiệu quả sử dụng.

1.3. Bệnh viện có thực hiện kiểm kê tài sản công hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

1.4. Bệnh viện có thực hiện trình tự thủ tục thanh lý tài sản công theo quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

1.5. Đối với thiết bị y tế được kiểm tra tại Khoa Phẫu thuật – Gây mê hồi sức, Khoa Chẩn đoán hình ảnh và Khoa Thận nhân tạo: có lý lịch máy, có kiểm định, 01 thiết bị y tế hư hỏng được sửa chữa.

1.6. Bệnh viện ban hành quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh; tổ chức khám lâm sàng đơn thuần, khám lâm sàng có làm thêm các kỹ thuật cận lâm sàng; xây dựng chỉ tiêu phần đầu và xây dựng các giải pháp cải tiến quy trình khám bệnh theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT.

1.7. Lưu lượng khám trung bình mỗi bàn khám thực hiện khám trong 01 ngày phù hợp chỉ tiêu phần đầu theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT và Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

2. Những mặt còn tồn tại:

2.1. Bệnh viện thực hiện thanh lý tài sản công chưa kịp thời theo quy định Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công đối với 145 thiết bị y tế hư, hỏng tổng giá trị theo nguyên giá là 16.980.843.000 đồng (phụ lục II).

2.2. Bệnh viện chưa kiểm định thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 và kiểm định chưa kịp thời đối với thiết bị y tế kiểm định không đạt sau khi được sửa chữa theo quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BYT.

2.3. Bệnh viện thực hiện sửa chữa 02 thiết bị y tế hư hỏng không kịp thời (phụ lục IV).

2.4. Bệnh viện chưa tích cực tổ chức mua sắm hoá chất cho các thiết bị y tế sử dụng. Cụ thể: 02 máy khí máu được Sở Y tế phân bổ năm 2015, đến nay chưa triển khai sử dụng; 08 máy xét nghiệm ngưng sử dụng trong thời kỳ thanh tra (phụ lục IV).

2.5. Bệnh viện chưa có kế hoạch khả thi triển khai sử dụng 01 thiết bị nhận từ năm 2019 đến nay, do không phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của bệnh viện (phụ lục IV).

2.6. Về thời gian khám, bệnh viện còn tồn tại nhiều lượt khám (như đã nêu ở khoản 2 Mục II) có thời gian khám kéo dài hơn so với chỉ tiêu phân đầu theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: không

V. Kiến nghị biện pháp xử lý:

1. Giám đốc Sở Y tế:

1.1. Đối với Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh thực hiện một số nội dung:

Xem xét kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với Giám đốc và Phó Giám đốc trong vai trò trách nhiệm lãnh đạo điều hành và nhiệm vụ được phân công về những hạn chế, thiếu sót tại khoản 2 Mục III nêu trên.

1.2. Chỉ đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế :

Thực hiện hướng dẫn Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh về việc thanh lý tài sản công theo quy định pháp luật.

Phối hợp Phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế và Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh xem xét, nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chuyển Hệ thống NAT đến đơn vị khác để phát huy hiệu quả sử dụng không để lãng phí tài sản.

1.3. Chỉ đạo Phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế

Phối hợp Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế và Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh xem xét, nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chuyển Hệ thống NAT đến đơn vị khác để phát huy hiệu quả sử dụng không để lãng phí tài sản.

1.4. Chỉ đạo Phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế

Tham mưu Lãnh đạo Sở Y tế thực hiện kiểm điểm rút kinh nghiệm theo quy định đối với Lãnh đạo Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh.

2. Đối với Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh:

2.1. Xử lý hành chính:

Theo thẩm quyền xem xét, kiểm điểm xử lý trách nhiệm phù hợp với tính

chất, mức độ hành vi thiếu sót, sai phạm của các cá nhân đã nêu tại khoản 2 Mục III, để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân có tên trong Phụ lục VI.

2.2. Kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, chấm dứt những thiếu sót, sai phạm đã nêu tại khoản 2 Mục III, tập trung vào những nội dung cụ thể sau:

2.2.1. Thực hiện thanh lý tài sản công kịp thời theo quy định Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công đối với 145 thiết bị y tế hư, hỏng tổng giá trị theo nguyên giá là **16.980.843.000** đồng (phụ lục II).

2.2.2. Thực hiện kiểm định thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 và Thông tư số 05/2022/TT-BYT (phụ lục III).

2.2.3. Thực hiện sửa chữa các thiết bị y tế hư hỏng (phụ lục IV) sớm đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

2.2.4. Đảm bảo đủ hoá chất cho các thiết bị xét nghiệm hoạt động (phụ lục IV).

2.2.5. Phối hợp Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế và Phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế xem xét, nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chuyển Hệ thống NAT đến đơn vị khác để phát huy hiệu quả sử dụng không để lãng phí tài sản (phụ lục IV).

2.2.6. Chấn chỉnh quy trình khám bệnh không để người bệnh chờ quá thời gian theo chỉ tiêu phân đầu được quy định tại Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh của bệnh viện.

Trên đây là Kết luận thanh tra về việc thanh tra việc quản lý, sử dụng thiết bị y tế được đầu tư từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh./.

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở Y tế;
- Thanh tra tỉnh (để báo cáo);
- Phòng Kế hoạch-Tài chính SYT;
- Phòng Nghiệp vụ Y SYT;
- Phòng Tổ chức cán bộ SYT;
- Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ thanh tra.



Phạm Vĩnh Thắng

